

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/DS-ST

Ngày: 22 - 3 - 2024

V/v “*Kiến đòi tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*”.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tư

Bà Hoàng Thị Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “*Kiến đòi tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 417/2023/QĐST-DS ngày 11/12/2023 và Thông báo số 59/TB-ST ngày 08/3/2024 về việc mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng K, sinh năm: 1936; địa chỉ: Số F, B, B, BC V5E 2R9, Canada.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Lệ T, sinh năm: 1961; địa chỉ: Số E Nhà C, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 05/10/2022. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị Đ, sinh năm: 1964; địa chỉ: Số D H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Thị Đ1 - Văn phòng L5 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Hoàng Thị Thùy L, sinh năm: 1989; địa chỉ: Số D H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3.2. Chị Hoàng Thị Bích L1, sinh năm: 1991; địa chỉ: Số D H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3.3. Chị Hoàng Thị Phương L2, sinh năm: 1997; địa chỉ: Số D H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

3.4. Anh Hoàng Lê Huy H, sinh năm: 2004; địa chỉ: Số D H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L, chị L1, chị L2, anh H: Luật sư Nguyễn Thị Đ1 - Văn phòng L5 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L. Có mặt.

3.5. Bà Hoàng Thị Thu H1, sinh năm: 1967; địa chỉ: Số D H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3.6. Ông Hoàng H2, sinh năm: 1959; địa chỉ: Số D H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Quốc K1, sinh năm: 1965; địa chỉ: Số G H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 09/9/2023. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hoàng K trình bày:

Nhà và đất thuộc thửa đất số 233, tờ bản đồ 25 tại số D H, Phường E, thành phố Đ là tài sản của ông và bà Le Luu N (Lê Thị Ngọc L3). Ông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 276045 ngày 17/8/2022. Nhà đất này trước đây ông, bà L3 và các thành viên trong gia đình thống nhất lập văn bản giao cho ông H2 là con trai duy nhất trong gia đình quản lý sử dụng và không được chuyển nhượng, tặng cho bất kỳ ai, việc này được thể hiện trong văn bản lập ngày 04/3/2017, sau đó ông có lập hợp đồng tặng cho ông H2 tài sản này có đính kèm văn bản thỏa thuận trên. Trong quá trình sử dụng, ông H2 lập văn bản thỏa thuận nhập tài sản này vào tài sản chung với bà Đ mà không được sự đồng ý của gia đình nên ông khởi kiện yêu cầu hủy văn bản trên và đã được Tòa án chấp nhận bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông H2, bà Đ ở tại nhà đất trên từ năm 1994 đến nay, toàn bộ tài sản là do ông, bà L3 tạo dựng, ông H2, bà Đ không hề tu bổ, cải tạo nhà. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông đề nghị lấy lại nhà, ông Hiệp đồng ý trả, bà Đ không chịu giao trả nhà.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà Đ và các con của bà Đ là chị L, chị L2, chị L1 và anh H trả lại toàn bộ nhà, đất trên cho ông.

Hiện nay bà H1 là con gái ông đã đăng ký tạm trú và được ông giao quyền quản lý toàn bộ tài sản này.

Bị đơn bà Đinh Thị Đ trình bày:

Bà và ông H2 là vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Bà và ông H2 có 04 người con chung gồm chị L, chị L1, chị L2, anh H. Vợ chồng bà và các con đều ở tại căn nhà số D H, Phường E, thành phố Đ từ năm 1995 đến nay. Ngoài nhà đất trên bà và các con không có chỗ ở nào khác.

Trước khi ông K khởi kiện, bà H1 đến nhà gặp bà và chị L, chị L1 yêu cầu dọn ra khỏi nhà, bà H1 sẽ hỗ trợ tiền thuê nhà hàng tháng cho mẹ con bà. Sau khi ông K, bà L3 bán được nhà đất này sẽ hỗ trợ cho anh H 2.000.000.000đ. Bà và các con không đồng ý vì việc bán nhà sẽ tiến hành nhưng trong thời gian bao lâu thì chưa xác định được hoặc hứa bán nhà nhưng nếu không bán thì biết đến bao giờ anh H mới nhận được 2.000.000.000đ, còn các cháu nội gái không có bất cứ quyền lợi gì. Hiện nay chị L, chị L1 là lao động chính trong gia đình, mặc dù đã có gia đình riêng nhưng phải lo buôn bán để có thu nhập trang trải cuộc sống cho bà hàng ngày và lo chi phí để nuôi anh H đang học đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà đồng ý trả lại nhà đất tại số D H, Phường E, thành phố Đ cho ông K với điều kiện ông K thực hiện việc chuyển cho các con của bà 2.000.000.000đ. Nhận đủ 2.000.000.000đ bà và các con bà sẽ dọn ra khỏi nhà để tìm chỗ ở mới. Nhà đất trên bà sẽ giao lại cho ông K để ông muốn bán cho ai hay sử dụng vào mục đích gì thì tùy ý.

Nhưng do ông K không đồng ý như thỏa thuận trước đây nên ngày 09/5/2023 bà có đơn phản tố buộc ông K phải hỗ trợ cho bà số tiền 2.000.000.000đ là khoản tiền bà đã trông nom, gìn giữ, tôn tạo nhà đất trên cho ông K trong suốt 27 năm qua (từ năm 1997 đến năm 2023) để làm tăng giá trị nhà đất trên. Buộc ông K phải thanh toán lại cho bà số tiền 200.000.000đ là khoản chi phí bà đã bỏ ra để tu bổ căn nhà, làm tăng giá trị căn nhà. Tổng cộng bà yêu cầu ông Kim thanh t số tiền 2.200.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Thu H1 trình bày:

Bà là con của ông Hoàng K. Bà thống nhất với lời trình bày của ông K về nguồn gốc nhà đất đang tranh chấp. Hiện nay bà được ông Kim g quyền quản lý, sử dụng nhà đất trên và bà đã đăng ký tạm trú tại nhà đất trên. Ông Kim g trách nhiệm cho bà trông nom nhà đất trên và bà đã thông báo chấm dứt tất cả các hợp đồng thuê nhà trọ từ tháng 10/2022 và báo cho Công an P, thành phố Đ. Trong quá trình quản lý, sử dụng nhà đất trên ông H2, bà Đ không bỏ tiền ra xây dựng sửa chữa nhà đất trên. Bố mẹ bà mới là người luôn quan tâm chăm sóc lo lắng cho các con của ông H2, bà Đ từ trước đến nay. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng H2 trình bày:

Ông là con của ông Hoàng K. Ông là chồng của bà Đ nhưng không đăng ký kết hôn. Ông và bà Đ có 4 người con chung là chị L, chị L1, chị L2, anh H. Ông được ông Kim g trách nhiệm quản lý nhà đất trên. Trong quá trình quản lý, sử dụng ông và bà Đ không tôn tạo, sửa chữa gì. Trong quá trình ở, bố mẹ ông luôn hỗ trợ từ tiền ăn tiền học lo cho các con của ông, thậm chí dụng cụ sản xuất làm mì cũng do ông K sắm sửa để tạo cho ông một việc làm ổn định nuôi gia đình. Toàn bộ chi phí liên quan đến việc xây dựng, sửa chữa nhà là do bố mẹ ông gửi tiền để ông trực tiếp sửa chữa, xây dựng. Bà Đ không phải bỏ ra bất cứ khoản tiền nào để sửa chữa nhà. Tại nhà đất trên bố mẹ ông còn xây dựng một dãy nhà trọ nhưng tiền thu nhập được từ dãy nhà trọ bản thân ông cũng giao cho bà Đ để lo chi tiêu trong gia đình từ trước đến tháng 10/2022 thì không cho thuê nữa. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Thùy L, chị Hoàng Thị Bích L1, chị Hoàng Thị Phương L2, anh Hoàng Lê Huy H trình bày: Các anh chị là con của ông H2, bà Đ. Các anh chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Đ.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông K do bà T là người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chỉ đồng ý hỗ trợ cho bị đơn 200.000.000đ chi phí di dời và tìm chỗ ở mới.

Bị đơn bà Đ, rút một phần yêu cầu phản tố đối với số tiền 200.000.000đ chi phí sửa chữa nhà và giữ nguyên yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn thanh toán 20% giá trị tài sản đang tranh chấp theo Chứng thư thẩm định giá số 103/2023/FMA-LĐ ngày 10/11/2023 của Công ty TNHH T1, cụ thể yêu cầu ông Kim thanh t số tiền $20\% \times 13.118.250.000\text{đ} = 2.623.650.000\text{đ}$.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L, chị L1, bà H1, ông H2 (do bà K1 là người đại diện theo ủy quyền) đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn về việc bà Đ trả lại nhà đất tại số D H, Phường E, thành phố Đ; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Đ với số tiền yêu cầu ông Kim thanh t tiền sửa chữa nhà 200.000.000đ; chấp

nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Đ. Buộc ông Kim thanh t cho bà Đ số tiền 1.311.825.000đ công sức cho việc bảo quản, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị nhà đất trong thời gian hơn 20 năm. Về chi phí tố tụng và án phí, buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Hoàng Thị Phương L2, anh Hoàng Lê Nguyên H3 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo thủ tục chung.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại nhà đất có diện tích 97,42m² diện tích sàn 144,89m² nằm trên diện tích đất 276m² thuộc một phần thửa đất số 233 tờ bản đồ số 25 tại số D H, Phường E, thành phố Đ và chỉ đồng ý hỗ trợ cho bị đơn 200.000.000đ chi phí di dời vào tìm chỗ ở mới. Bị đơn đồng ý trả lại nhà đất trên cho nguyên đơn nhưng yêu cầu nguyên đơn thanh toán 20% giá trị tài sản đang tranh chấp theo Chứng thư thẩm định giá số 103/2023/FMA-LĐ ngày 10/11/2023 của Công ty TNHH T1, cụ thể yêu cầu ông Kim thanh t số tiền 20% x 13.118.250.000đ = 2.623.650.000đ là công sức cho việc bảo quản, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị nhà đất và thanh toán tiền sửa chữa 200.000.000đ nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, cần xác định quan hệ tranh chấp “Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” theo quy định tại khoản 14 Điều 26, Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn thấy rằng:

[2.1] Tại phiên tòa, bị đơn bà Đình Thị Đ rút yêu cầu phản tố đối với yêu cầu thanh toán số tiền 200.000.000đ tiền chi phí sửa nhà. Xét việc bà Đ rút yêu cầu phản tố này là tự nguyện nên cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[2.2] Tại phiên tòa, bị đơn và các con của bị đơn là chị L, chị L1 đồng ý trả lại nhà đất có diện tích 97,42m² diện tích sàn 144,89m² nằm trên diện tích đất 276m² thuộc một phần thửa đất số 233 tờ bản đồ số 25 tại số D H, Phường E, thành phố Đ cho nguyên đơn. Xét đây là sự tự nguyện của bị đơn nên cần ghi nhận để buộc bà Đ và chị L, chị L1, chị L2, anh H3 trả lại nhà đất trên cho ông K.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận về nguồn gốc nhà đất tại số D H, Phường E, thành phố Đ là của ông K, đã lập văn bản thỏa thuận cho ông H2 quản lý, sử dụng từ ngày 04/3/2017 trên cơ sở văn bản thỏa

thuận cam kết về việc tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/3/2017. Tại thời điểm năm 2017 bà Đ và ông H2 là vợ chồng đã sinh sống từ trước.

Tại phiên tòa, ông K do bà T là người đại diện theo ủy quyền, bà H1 chỉ đồng ý hỗ trợ cho bị đơn số tiền 200.000.000đ.

Như vậy, việc bị đơn đồng ý trả nhà đất cho nguyên đơn nhưng cũng cần xem xét đến một phần công sức của bị đơn là phù hợp. Mặc dù, trong tổng khối tài sản này bị đơn không xác định được phần tài sản nào được làm thêm nhưng xuất phát từ mối quan hệ gia đình nên mới có việc bà Đ và các con cùng sinh sống tại nhà đất trên từ năm 1997 đến nay, đã được 28 năm. Do đó, cũng cần xem xét cho bị đơn một phần công sức đóng góp, tôn tạo tài sản là phù hợp với thực tế.

[2.4] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc trả nhà đất. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc nguyên đơn thanh toán cho bị đơn 10% trên tổng giá trị tài sản là công sức đóng góp, giữ gìn tôn tạo tài sản là phù hợp.

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 10/11/2023 của Công ty TNHH T1, tổng giá trị tài sản tranh chấp là 13.118.250.000đ. Các đương sự đều thống nhất với kết quả thẩm định giá này nên cần buộc ông Kim thanh t cho bà Đ, chị L1, chị L, chị L2 và anh H3 số tiền $13.118.250.000đ \times 10\% = 1.311.825.000đ$.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản là 35.800.000đ. Xét việc xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá là cần thiết cho việc giải quyết vụ án do đó cần buộc ông K, bà Đ mỗi người phải chịu $1/2 = 17.900.000đ$. Do bà Đ đã nộp 34.900.000đ, được quyết toán xong, ông K do bà T đại diện đã nộp 900.000đ được quyết toán xong nên cần buộc ông K phải thanh toán lại cho bà Đ số tiền 17.000.000đ.

[4] Về án phí: Ông K, bà Đ là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 14 Điều 26, Điều 35, Điều 37, Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 3, các điểm a, b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bà Đình Thị Đ về việc buộc ông Hoàng Kim thanh t1 tiền sửa chữa 200.000.000đ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng K về việc “Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” đối với bà Đình Thị Đ.

Buộc bà Đình Thị Đ, chị Hoàng Thị Thùy L, chị Hoàng Thị Bích L1, chị Hoàng Thị Phương L2, anh Hoàng Lê Nguyên H3 trả lại nhà đất có diện tích 97,42m2 diện tích sàn 144,89m2 nằm trên diện tích đất 276m2 thuộc một phần thửa đất số 233 tờ bản đồ số 25 tại số D H, Phường E, thành phố Đ.

Bà Đình Thị Đ, chị Hoàng Lê Thùy L4, chị Hoàng Thị Bích L1, chị Hoàng Thị Phương L2, anh Hoàng Lê Nguyên H3 được quyền lưu cư tại nhà đất có diện tích 97,42m2 diện tích sàn 144,89m2 nằm trên diện tích đất 276m2 thuộc một phần thửa đất số 233 tờ bản đồ số 25 tại số D H, Phường E, thành phố Đ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Đình Thị Đ về việc yêu cầu tính công sức, giữ gìn tài sản là nhà đất tại số D H, Phường E, thành phố Đ đối với ông Hoàng K.

Buộc ông Hoàng K có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đình Thị Đ, chị Hoàng Thị Thùy L, chị Hoàng Thị Bích L1, chị Hoàng Thị Phương L2, anh Hoàng Lê Nguyên H3 số tiền 1.311.825.000đ.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hoàng K phải thanh toán lại cho bà Đình Thị Đ số tiền 17.000.000đ.

5. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng K, bà Đình Thị Đ.

Hoàn trả cho ông Hoàng K số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp theo biên lai thu số 0012280 ngày 02/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng (do bà Phan Thị Lệ T nộp thay).

Hoàn trả cho bà Đình Thị Đ số tiền 38.000.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp theo biên lai thu số 0014646 ngày 13/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV &THA;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Người tham gia tố tụng (11);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (05).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Thành Tâm